

Số: ~~140~~/BC-KTNS

Hà Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách về các báo cáo và dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp thứ 20- HĐND tỉnh Khóa XVIII - nhiệm kỳ 2021-2026

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra 03 báo cáo và 16 dự thảo Nghị quyết với các vị đại biểu HĐND tỉnh và kỳ họp thứ 20 HĐND tỉnh khóa XVIII như sau:

I. VỀ CÁC BÁO CÁO

1. Báo cáo số 372/BC-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách năm 2024, giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2025.

Ban KTNS nhất trí với nội dung báo cáo số 372/BC-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh. Ban KTNS nhấn mạnh một số nội dung sau:

a) Về Thu NSNN: Trong điều kiện tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế VAT 2% hàng hoá và dịch vụ, tác động giảm thu ngân sách của tỉnh 337 tỷ đồng; ngành khai khoáng có số thu lớn còn chưa phục hồi sản xuất; thị trường bất động sản chưa khởi sắc, toàn tỉnh còn 3.065 lượt tổ chức, cá nhân tạm dừng sản xuất kinh doanh, đóng mã số thuế. Kết quả thu ngân sách của tỉnh năm 2024 đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Thu NSNN trên địa bàn toàn tỉnh năm 2024 ước đạt **2.475 tỷ đồng**, bằng 119,9% kế hoạch TW giao và 100,6% kế hoạch của HĐND tỉnh giao, tăng khá cao (**23,6%**) so với thực hiện năm 2023; Thu thuế phí đạt **2.148 tỷ đồng**, tăng khá cao (**25,1%**) so với thực hiện năm 2023; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt **180 tỷ đồng** vượt dự toán dự toán TW, tỉnh giao, tăng cao (**36%**) so với năm 2023.

Các huyện, thành phố: Có 07/11 huyện thu đạt trên 100% dự toán giao (*Bắc Mê 156%; Quang Bình 108,1%; Yên Minh 116,2%, Xin Mần 121,9%; Hoàng Su Phì 119%; Quản Bạ 119,2%; Vị Xuyên 100,3%*); Còn 04/11 huyện, thành phố chưa hoàn thành kế hoạch thu (*Đồng Văn, Mèo Vạc, Bắc Quang và thành phố Hà Giang*) do hớt thu về tiền sử dụng đất. Riêng chỉ tiêu thu thuế, phí để đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách thì 100% các huyện, thành phố đều hoàn thành kế hoạch tỉnh giao, trong đó có một số huyện có số thu từ thuế, phí vượt trội là: Huyện Hoàng Su Phì vượt 29,2% KH; Bắc Mê vượt 69,3% KH; Yên Minh vượt 76,6% KH.

Tuy nhiên, kết quả thu tiền sử dụng đất năm 2024 toàn tỉnh còn chưa đạt yêu cầu, ước thực hiện 192,36 tỷ đồng/674 tỷ KH, đạt 28,5% KH HĐND tỉnh giao, tăng 29,9% so với năm 2023; Các khoản nợ đọng thuế năm 2024 giảm thấp (*giảm 0,5% so với năm 2023*). Toàn tỉnh còn nợ đọng thuế là: **398 tỷ đồng**.

b) Về chi NSDP: Kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSDP năm 2024 đạt khá: 14.828 tỷ đồng/14.991 tỷ đồng, đạt 98,9% KH, đảm bảo nhu cầu chi cho hoạt động hệ thống chính trị các cấp, sự nghiệp y tế, giáo dục ...; Chi đầu tư

phát triển 3.954/5.162 tỷ đồng, bằng 72,5% kế hoạch tỉnh giao chưa đạt yêu cầu mục tiêu đặt ra.

- Kết quả giải ngân kế hoạch vốn 03 CTMTQG còn chưa đạt yêu cầu: Tính đến ngày 15/11/2024 toàn tỉnh đã thực hiện giải ngân là 2.035,934 tỷ đồng/4.509,748 tỷ đồng KH (bao gồm cả nguồn vốn năm 2022, 2023 chuyển sang), đạt 45,1% (Vốn đầu tư là 1.098,273 tỷ đồng/2.214,787 tỷ đồng, đạt 49,6%; Vốn sự nghiệp là 937,661 tỷ đồng/2.294,961 tỷ đồng, đạt 40,9%). Cụ thể: (1) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 90,821 tỷ đồng/154,4 tỷ đồng, đạt 58,8%; (2) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 642,359 tỷ đồng/1.208,533 tỷ đồng, đạt 53,2% kế hoạch; (3) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ước thực hiện đến 15/11/2024 là 1.302,754 tỷ đồng/3.146,916 tỷ đồng, đạt 41,4% so với kế hoạch.

2. Báo cáo số 358/BC-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh về Tài chính nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2023

Ban Kinh tế- ngân sách HĐND tỉnh nhất trí với báo cáo của UBND tỉnh, đề nghị kỳ họp xem xét.

3. Báo cáo của UBND tỉnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Giang.

Có Báo cáo chuyên đề của Đoàn giám sát HĐND tỉnh được trình bày tại kỳ họp thứ 20 HĐND tỉnh khóa XVIII.

II. VỀ CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Giang (Kèm theo Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

1.1. Về chủ trương: Căn cứ Kết luận 1091-KL/TU ngày 28/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2024.

1.2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh:

- Xem xét lại việc chuyển 10 Dự án, trong đó có một số dự án đã từ giai đoạn 2016-2020 dự kiến chuyển sang giai đoạn 2026-2030 mà tổng mức vốn còn thiếu phải bố trí trong Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 có số tiền dưới 02 tỷ đồng/01 dự án thì nên bố trí thanh toán gọn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để giảm bớt số lượng các dự án chuyển sang kế hoạch giai đoạn 2026-2030.

Tổng số vốn còn thiếu của 10 dự án là **10,819 tỷ đồng** cụ thể như sau: (1) Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh: 399 triệu đồng; (2) Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần :1.539 triệu đồng; (3) Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang: 439 triệu đồng; (4) Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ: 667 triệu đồng; (5) Bệnh viện ĐKKV Bắc Quang (GĐ1): 1.288 triệu đồng; (6) Di chuyển dân cư xã Tân Trịnh ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét xã Tân Trịnh, huyện Quang Bình: 1.244 triệu đồng; (7) Dự án xây dựng khu Khu Tái định cư thị trấn Cốc Pài huyện Xín Mần:

1.479 triệu đồng; (8) Nâng cấp đường Km 90 (Đường Bắc Quang- Xín Mần đi cửa khẩu Xín Mần và mốc 198 huyện Xín Mần Giai đoạn II: 1.700 triệu đồng; (9) Nâng cấp tuyến đường từ Trung tâm xã Thượng Sơn huyện Vị Xuyên đi xã Tùng Sán huyện Hoàng Su Phì: 1.328 triệu đồng; (10) Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Căng Bắc Mê, xã Yên Cường, huyện Bắc Mê: 736 triệu đồng... Đề nghị UBND tỉnh rà soát lại các dự án còn thiếu vốn ít để bố trí thanh toán dứt điểm trong năm 2025.

- Đề nghị UBND tỉnh phân tích, làm rõ, nêu cách thức tính toán về tổng mức đầu tư các dự án thiếu vốn chuyển sang giai đoạn 2026-2030 bố trí kế hoạch là **3.384,21 tỷ đồng** có đảm bảo đáp ứng đúng quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đầu tư công không vượt quá 20% tổng số vốn kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn trước để các Đại biểu nắm rõ vấn đề này.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

2. Dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn Phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2025 tỉnh Hà Giang (Kèm theo Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

2.1. Về chủ trương: Căn cứ Kết luận 1091-KL/TU ngày 28/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2024.

2.2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh:

- Đối với vốn đầu tư công nguồn Ngân sách địa phương: Tại tại biểu 3.3. Danh mục dự án khởi công mới đầu tư giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn cân đối NSDP và các nguồn vốn khác (ngân sách tỉnh) kế hoạch năm 2025, đề nghị bổ sung cột “*lũy kế vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo*” để các đại biểu có điều kiện so sánh cho rõ ràng việc bố trí vốn kế hoạch của từng dự án qua các năm và dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2025 có phù hợp hay không?

- Đối với dự kiến điều chỉnh, bố trí vốn CTMTQG kế hoạch 2025: Đề nghị bổ sung biểu số liệu tóm tắt theo từng dự án (Không cần chi tiết đến tiểu dự án) chi tiết cho từng huyện, thành phố về KH đầu tư trung hạn 2021-2025 CTMTQG, lũy kế vốn kế hoạch CTMTQG đã bố trí đến thời điểm báo cáo so sánh với dự kiến kế hoạch vốn 3 CTMTQG năm 2025 để các đại biểu so sánh, đối chiếu việc điều chỉnh, bố trí kế hoạch vốn CTMTQG 2025, đảm bảo nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch vốn CTMTQG quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 111/2024/QH15 “*Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án đầu tư trong danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng dự án, tổng mức vốn trong năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia*”.

3. Dự thảo Nghị quyết về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang thông Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020-2024. (Theo Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh).

3.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ khoản 3, Điều 159 Luật Đất đai năm 2024 quy định¹; khoản 1 Điều 157 Luật đất đai năm 2024 quy định “ *Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định của Luật đất đai 45/2013/QH13 được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31/12/2025...*”; Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định số 398/BC-STP ngày 25/11/2024.

- **Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết:** Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020-2024, như vậy đến ngày 31/12/2024 nghị quyết hết hiệu lực, trong khi đó Luật đất đai năm 2024 quy định UBND cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định ban hành Nghị quyết “*về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020-2024*” để thực hiện Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Dự thảo Nghị quyết

Ban KTNS cơ bản đồng tình với dự thảo Nghị quyết.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh: Phân tích, làm rõ về việc khi tiếp tục áp dụng Bảng giá đất hiện hành trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND đến hết 2025 mà không có sự điều chỉnh bảng giá đất trong năm 2024, 2025 để từng bước tiếp cận dần giá thị trường thì khi xây dựng và áp dụng Bảng giá đất mới có hiệu lực từ 01/01/2026 theo nguyên tắc Bảng giá đất phải sát giá thị trường thì liệu có khả năng tăng giá đất đột biến hoặc khó khăn trong công tác thu tiền chuyển quyền mục đích sử dụng đất không? Qua tham khảo cho thấy một số tỉnh có điều chỉnh bảng giá đất hiện hành tăng dần trong năm 2025 để từng bước sát giá thị trường và giữ ổn định trong các hoạt động KTXH liên quan đến quyền sử dụng đất... Việc này cũng được Chính phủ khuyến khích và cho phép các tỉnh chủ động xem xét quyết định thực hiện.

3.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

4. Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

4.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

¹ Khoản 3, Điều 159 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026...”

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ tại các khoản 2,3,4,7,9,12,14,20,24,25,30,31,32,37,43 Điều 1, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định². Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

- **Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang là cần thiết phù hợp với thực tiễn.

4.2. Nội dung dự thảo Nghị quyết:

Ban KTNS cơ bản đồng tình với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh:

- Chính sửa lại khoản 4 Điều 8 như sau: “*Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển xe ô tô và tài sản khác: giữa các Sở, ngành; giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện; trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.*”

- Các nội dung khác nhất trí như dự thảo nghị quyết.

4.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

5. Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

5.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ tại điểm b, khoản 2, Điều 5, Nghị định số 138/2024/NĐ-CP³; điểm b, khoản 2, Điều 8 – Nghị định số 138/2024/NĐ-CP quy

² **Điểm a Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 114/2024/NĐ-CP** quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định các hình thức: mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất bị hủy hoại, giá trị tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương”

³ **Điểm b, khoản 2, Điều 5** quy định: “Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.”

định⁴, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- **Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang là cần thiết, phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý của địa phương.

5.2. Dự thảo Nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh:

- Tại điểm a, khoản 1, Điều 1 đề nghị sửa lại như sau: “*Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị; phân cấp thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang từ kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng*”.

* **Lý do:** Để cho phù hợp với Điều 1, 5, 8 của Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ và tuân thủ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Điều 2, đề nghị sửa lại như sau:

“1. Đối với kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh có tổng dự toán kinh phí thực hiện trên 02 tỷ đồng/nhiệm vụ, dự toán;

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ trên 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng/nhiệm vụ, dự toán;

⁴ **Điểm b, khoản 2, Điều 8 quy định:** “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”

- Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 500 triệu đồng/nhiệm vụ, dự toán.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã có tổng dự toán kinh phí thực hiện trên 500 triệu đồng/nhiệm vụ, dự toán;

- Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng/nhiệm vụ, dự toán;

- Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 200 triệu đồng/nhiệm vụ, dự toán.

2. Đối với kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị từ nguồn kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị của cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, đơn vị, tổ chức đề xuất dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của năm kế hoạch, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương thẩm định và trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.”

* **Lý do:** Đề phù hợp với Luật ngân sách và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND 130/CP trong các cơ quan hành chính... đơn vị sự nghiệp.

- Tại Điều 3 đề nghị bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của cấp có thẩm quyền, căn cứ quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị, tổ chức đề xuất dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ của năm kế hoạch, tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình, gửi cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương thẩm định

và trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”

* **Lý do:** Để đảm bảo trình tự mua sắm tài sản theo Luật Ngân sách.

- Các nội còn lại nhất trí với dự thảo Nghị quyết.

5.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

6. Dự thảo Nghị quyết về dự toán thu NSNN, thu, chi NSDP năm 2025 và Dự thảo Nghị quyết phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 (Theo Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 29/11/2024)

6.1. Về chủ trương: Căn cứ Kết luận 1091-KL/TU ngày 28/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2024.

6.2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban KTNS cơ bản nhất trí đối với các nội dung tại 02 dự thảo Nghị quyết.

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh: Phân tích, làm rõ thêm số kinh phí thuộc nguồn kinh phí kiến thiết thị chính trong dự toán chi ngân sách năm 2025 cho thành phố Hà Giang và định hướng bố trí ngân sách chi kiến thiết thị chính những năm tiếp theo để đáp ứng lộ trình xây dựng thành phố Hà Giang thành Đô thị loại II theo kế hoạch tỉnh giao.

7. Dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

7.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Khoản 2, Điều 14 Luật Đất đai năm 2024 quy định⁵. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 và Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- **Cơ sở thực tiễn, sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích của địa phương, nhằm phát huy nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và làm cơ sở để UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Việc ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

7.2. Dự thảo Nghị quyết

Ban KTNS đề nghị UBND tỉnh: Làm rõ trong số 274 công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 có bao nhiêu công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất để đấu giá

⁵ Khoản 2, Điều 14 Luật Đất đai năm 2024 quy định “HĐND các cấp thực hiện quyền thông qua quy hoạch sử dụng đất của địa phương mình trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thông qua việc thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng của địa phương theo thẩm quyền; thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo thẩm quyền quy định...”

quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại khoản 5, Điều 72 Luật đất đai năm 2024⁶.

7.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

8. Dự thảo Nghị quyết phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo tiểu dự án, nội dung trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 150/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

8.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ tại điểm c khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 111/2024/QH15 quy định⁷, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo tiểu dự án, nội dung trên địa bàn tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- **Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết:** Hiện nay, tỉnh Hà Giang chưa ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh phân cấp cho HĐND cấp huyện thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên NSTW hàng năm của từng Chương trình MTQG chi tiết đến dự án thành phần. Đồng thời, việc ban hành Nghị quyết tạo sự chủ động cho các huyện trong công tác phân bổ, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG. Do đó, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện phân bổ dự toán chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết theo tiểu dự án, nội dung trên địa bàn tỉnh Hà Giang là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

8.2. Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí theo dự thảo Nghị quyết.

8.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

9. Dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Hà Giang).

9.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

⁶ Khoản 5, điều 72 Luật Đất đai năm 2024 quy định “Trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, UBND cấp tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất, trong đó có dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất theo quy hoạch”.

⁷ Điểm c khoản 1, Điều 4 Nghị quyết 111/2024/QH15 quy định: “c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hàng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia chi tiết đến dự án thành phần.”

- **Cơ sở pháp lý:** Khoản 2, Điều 14 Luật Đất đai năm 2024 quy định. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- **Cơ sở thực tiễn, sự cần thiết ban hành Nghị quyết:** Việc ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

9.2. Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí như dự thảo Nghị quyết.

9.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

10. Dự thảo Nghị quyết về việc bổ sung dự toán thu Ngân sách nhà nước và chi Ngân sách địa phương năm 2024 (Kèm theo Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

Ban Kinh tế - Ngân sách nhất trí như dự thảo Nghị quyết, đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua.

11. Dự thảo Nghị quyết về phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 (Theo Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết cho thấy số liệu quyết toán rõ ràng, phản ánh chính xác, trung thực tình hình thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 và đã được Kiểm toán Nhà nước khu vực X kiểm toán.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua.

12. Dự thảo Nghị quyết bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. (Theo Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

12.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ khoản 1, Điều 170 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁸; khoản 3, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 quy định⁹, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự

⁸ Khoản 1 Điều 170 quy định: “Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật”.

⁹ Khoản 3 Điều 1 quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền”

toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết: Căn cứ vào tình hình thực tế, để thực hiện điều chỉnh nhiệm vụ vận chuyển gạo từ Sở Giáo dục và Đào tạo về cho UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên cơ sở phải điều chỉnh lại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND tỉnh. Do vậy, việc ban hành Nghị quyết bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 là phù hợp với thực tế và cần thiết.

12.2. Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí như dự thảo Nghị quyết

12.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

13. Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (theo Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh).

13.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành nghị quyết

- Cơ sở pháp lý: Căn cứ khoản 22, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG quy định trách nhiệm UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định “*Cơ chế huy động các nguồn lực khác quy định tại Điều 11, Điều 12 nghị định này (nếu có)*”.

- Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết: Ngày 13/9/2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, trên thẩm quyền giao tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, đến nay Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, do đó Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và cần ban hành nghị quyết mới thay thế. Do vậy UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Hà Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền.

13.2. Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí như dự thảo Nghị quyết.

13.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

14. Dự thảo Nghị quyết thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Theo Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh)

14.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất¹⁰; điểm c, khoản 2, Điều 27 Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định¹¹; khoản 3, Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định¹².

- **Cơ sở thực tiễn, cần thiết ban hành Nghị quyết:** Luật Đất đai 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024, để đảm bảo theo quy định pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, ...; cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc xác định đơn giá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất... để thực hiện dự án đầu tư.

Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định ban hành Nghị quyết ***“thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang”***, là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.2. Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí như dự thảo Nghị quyết.

14.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

15. Dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm bố trí vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Tờ trình số 149/TTrUBND ngày 26/11/2024 của UBND tỉnh Hà Giang).

15.1. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- **Cơ sở pháp lý:** Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 40 nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023) quy định¹³; tại khoản 3, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội quy định¹⁴. Vì vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm bố trí vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là đúng thẩm quyền.

¹⁰ Điểm a, khoản 1, Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định: “Căn cứ vào thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến HĐND cùng cấp”;

¹¹ Điểm c, khoản 2, Điều 27 Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định: “căn cứ vào thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, b khoản này sau khi xin ý kiến HĐND cùng cấp”

¹² Khoản 3, Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định “căn cứ vào thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 điều này sau khi xin ý kiến của HĐND cùng cấp”

¹³ Trách nhiệm của UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh quyết định “mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo quy định tại Điều 9 Nghị định này”

¹⁴ “... Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách ở địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn”.

- Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm bố trí vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang là phù hợp với thực tiễn và cần thiết.

15.2 Dự thảo Nghị quyết: Nhất trí như dự thảo Nghị quyết

15.3. Về thể thức trình bày dự thảo Nghị quyết: Đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đề nghị Kỳ họp xem xét, thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, đối với các văn bản trình Kỳ họp thứ 20, HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026. /

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Đại biểu mời dự kỳ họp;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- LĐ và CV Phòng CTHĐND; TT-DN;
- Lưu: VT, đăng Website HĐND tỉnh.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Trần Xuân Thủy